

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH KHÁNH HÒA

Bản án số: 10/2026/DS-ST
Ngày 02 - 6 - 2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - KHÁNH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương
Ông Nguyễn Văn Hùng
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Lý Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 04 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2026/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa
Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Nhất Yên P, sinh năm 1993
Địa chỉ: A N, phường N, tỉnh Khánh Hòa
Bà P có mặt.
- Bị đơn: Bà Lý Thị Ngọc D, sinh năm 1967
Địa chỉ: Thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa
Bà D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ngọc T là bà Lê Nhất Yên P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Lý Thị Ngọc D là bạn bè nên quen biết nhau. Năm 2025, bà T có cho bà D mượn 2.000.000.000 đồng, không lãi suất. Bà D viết giấy mượn tiền, ký ghi rõ họ tên. Bà D mượn để trả nợ cho cá nhân bà, không liên quan gì đến ai khác. Bà giao tiền cho bà D, bà D có hứa khi nào bà bán thửa đất số 360, tờ bản đồ số 1, tại thôn Đ, xã D (nay là xã D), tỉnh Khánh Hòa thì sẽ trả tiền

cho bà. Đến nay bà được biết bà D đã bán thửa đất này và bà đã ra thông báo nhắc nợ bà D nhiều lần nhưng bà D không trả nợ. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả cho bà 2.000.000.000 đồng, bà không yêu cầu bà D trả tiền lãi. Giữa bà và bà D không có giấy phép kinh doanh, bà cho bà D vay không có mục đích lợi nhuận, bà không giữ giấy tờ về tài sản của bà D. Số tiền bà D mượn là tiền riêng của bà, không liên quan gì đến ai khác.

- *Tại các bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lý Thị Ngọc D trình bày:*

Bà và bà Nguyễn Thị Ngọc T có quen biết nhau, năm 2025 bà có mượn bà T 2.000.000.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền này thì bà đồng ý nhưng bà không thể trả ngay. Bà xin gia hạn vào ngày 27/6/2026, bà sẽ trả toàn bộ số tiền nợ cho bà T. Khi vay tiền thì toàn bộ giao dịch là giữa bà với bà T, không liên quan đến ai khác. Bà xác nhận bà ký giấy nhận nợ, bà không giao giấy tờ tài sản gì cho bà T.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Khánh Hòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn bà Lý Thị Ngọc D trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 2.000.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lý Thị Ngọc D thực hiện nghĩa vụ trả số tiền đã vay theo giấy mượn tiền lập ngày 16/01/2025. Đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn cư trú tại xã D, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Khánh Hòa đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu bị đơn bà Lý Thị Ngọc D trả tiền vay còn nợ là 2.000.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án bản chính tờ giấy

mượn tiền đề ngày 16/01/2025, có chữ ký, ghi rõ họ tên của bà Lý Thị Ngọc D. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lý Thị Ngọc D thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 2.000.000.000 đồng, xác nhận chữ ký trong giấy mượn tiền là của mình và xác nhận đến nay vẫn chưa thanh toán khoản nợ trên cho nguyên đơn. Bị đơn đồng ý trả nợ nhưng xin được gia hạn thời gian thanh toán đến ngày 27/6/2026.

Hội đồng xét xử xét: Giấy mượn tiền đề ngày 16/01/2025 thể hiện việc các bên có xác lập giao dịch vay tài sản. Nội dung giao dịch hoàn toàn tự nguyện, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Lý Thị Ngọc D là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Theo lời trình bày thống nhất của các bên, khi vay tiền bà D cam kết khi bán được thửa đất số 360, tờ bản đồ số 01 tại thôn Đ, xã D sẽ thanh toán khoản nợ cho bà T. Tuy nhiên, sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu. Tại các bản tự khai, bà D tiếp tục xác nhận khoản nợ vẫn còn tồn tại và xin được gia hạn thời gian thanh toán đến ngày 27/6/2026. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét nghĩa vụ trả nợ là nghĩa vụ cơ bản của bên vay. Khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên vay không hoàn trả hoặc hoàn trả không đầy đủ khoản tiền đã vay thì được xác định là vi phạm nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Việc bị đơn cho rằng hiện chưa có khả năng thanh toán và xin gia hạn thời gian trả nợ, không phải là căn cứ pháp luật để miễn trừ hoặc kéo dài nghĩa vụ trả nợ khi bên cho vay không đồng ý nên yêu cầu xin gia hạn trả nợ của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn nợ 2.000.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

Đối với yêu cầu về tiền lãi: Nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi đối với khoản vay nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. [4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả là: $36.000.000đ + (3\% \times 1.200.000.000đ) = 72.000.000$ đồng theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lý Thị Ngọc D trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

2. Về án phí: Bà Lý Thị Ngọc D nộp 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số: 0000445 ngày 15/01/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh K

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 3 - Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Thị Tuyết Sương